

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **32/2017/QĐ-UBND**

Phú Thọ, ngày 19 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung tỷ lệ (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2017 – 2020 quy định tại Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương, tỷ lệ (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi NSDP, tỷ lệ (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tỷ lệ (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2017 – 2020 quy định tại Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ, chi tiết theo Phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Châu

**BIỂU TỶ LỆ (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN
SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2017-2020**

(Kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Nội dung	Việt Trì, TX Phú Thọ				11 huyện còn lại ⁽¹⁾		
		NS cấp tỉnh	NS thành phố, thị xã	NS xã, phường		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, thị trấn
				NS phường	NS xã			
1	Thuế GTGT từ các doanh nghiệp Trung ương (DNTU); doanh nghiệp địa phương, doanh nghiệp cổ phần hóa có vốn nhà nước (DNĐP); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DNĐTNN) (Bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)	100				100		
2	Thuế TNDN từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN (Bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)	100				100		
3	Thuế TTĐB từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN (Bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)	100				100		
4	Thuế tài nguyên từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN (Bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)	100				100		
5	Tiền thuê đất từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN	100				100		
*/	Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất... từ tiền thuê đất, cấp nào thực hiện được phân ánh vào ngân sách cấp đó 100%.	100	100	100	100	100	100	100
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN	100				100		
7	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh							
a/	Thuế GTGT, TNDN, TTĐB, tài nguyên, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ các DN ngoài QĐ (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, trừ tiền chậm nộp thuế tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp)	70	30			50	50	
b/	Thuế GTGT, TNDN, TTĐB, tài nguyên, tiền thuê đất từ các hộ kinh doanh cá thể (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, trừ tiền chậm nộp thuế tiền thuê đất)							
-	Đối với các phường		80	20				
-	Đối với các xã, thị trấn		20		80		20	80
c/	Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất... từ tiền thuê đất, cấp nào thực hiện được phân ánh vào ngân sách cấp đó 100%.	100	100	100	100	100	100	100
8	Lệ phí trước bạ							
	- Đối với ô tô, tàu thuyền, xe máy		100				100	
	- Đối với nhà đất							
	<i>Trong đó: - Phường</i>		80	20				
	<i>- Xã, thị trấn</i>		30		70		30	70
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (đối với hộ gia đình và cá nhân)							
	- Đối với phường		70	30				
	- Đối với xã, thị trấn		30		70		30	70
10	Thuế thu nhập cá nhân (Bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)							
	- Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100				100		
	- Chi cục Thuế các huyện, thành, thị quản lý thu							
	+ Đối với các phường		80	20				
	+ Đối với các xã, thị trấn		20		80		20	80

STT	Nội dung	Việt Trì, TX Phú Thọ				11 huyện còn lại ⁽¹⁾		
		NS cấp tỉnh	NS thành phố, thị xã	NS xã, phường		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, thị trấn
				NS phường	NS xã			
11	Thu xổ số kiến thiết (Bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)	100				100		
12	Thu tiền sử dụng đất							
a/	Đối với các xã: Tứ Xã, Thạch Sơn, Cao Xá, Sơn Dương, Hợp Hải, Xuân Huy, Kinh Kê, Vĩnh Lại, Sơn Vi, Tiên Kiên, Bàn Nguyên (huyện Lâm Thao); Đồng Luân, Xuân Lộc, Đoan Hạ, Tu Vũ, Thạch Đồng, Trung Nghĩa, Hoàng Xá, Yên Mao, Bảo Yên, Trung Thịnh, Phượng Mao, Sơn Thủy, Đào Xá, Tân Phương (huyện Thanh Thủy); Thụy Vân, Tân Đức, Phượng Lâu, Hy Cương, Thanh Đình, Chu Hóa (thành phố Việt Trì); Từ Đà, Phú Nham, Tiên Du, An Đạo (huyện Phù Ninh); Văn Du, Minh Tiến, Bằng Luân (huyện Đoan Hùng); Đông Thành, Lương Lỗ, Đỗ Xuyên, Chí Tiên (huyện Thanh Ba); Thanh Minh, Hà Lộc, Phú Hộ (thị xã Phú Thọ); Gia Điền, Hiền Lương, Y Sơn, Mai Tùng (huyện Hạ Hòa); Thượng Nông, Hương Nộn (huyện Tam Nông); Phương Xá, Sai Nga, Tinh Cương (huyện Cẩm Khê); Lương Nha (huyện Thanh Sơn); Minh Đài (huyện Tân Sơn); Hưng Long (huyện Yên Lập) ⁽²⁾	30	20		50	30	20	50
b/	Đối với thị trấn Tân Phú (huyện Tân Sơn)					30	70	
c/	Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại	30	50	20	20	30	30	40
d/	Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất các dự án, công trình (các khu đô thị mới, các dự án nhà ở thương mại,...) do tinh quản lý và tổ chức thu	80	20			80	20	
e/	Chi phí đấu giá quyền sử dụng đất, kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, kinh phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, quy hoạch cho diện tích đất đấu giá... cấp nào thực hiện được phản ánh vào NS cấp đó 100%.	100	100	100	100	100	100	100
13	Thu phí và lệ phí (đã bao gồm lệ phí môn bài)							
	*/ Phí và lệ phí tỉnh	100				100		
	*/ Phí và lệ phí huyện, thành, thị		100				100	
	*/ Phí và lệ phí xã, phường, thị trấn			100	100			100
	*/ Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	20	30	50	50	20	30	50
	*/ Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải:							
	- Phí bảo vệ môi trường nước thải công nghiệp	100				100		
	- Phí bảo vệ môi trường nước thải sinh hoạt							
	+ Đơn vị cung cấp nước sạch tổ chức thu đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt có sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước		100				100	
	Riêng đơn vị cung cấp nước sạch là Công ty cổ phần Cấp nước Phú Thọ	100				100		
	+ UBND xã, phường, thị trấn tổ chức thu đối với các tổ chức, cá nhân tự khai thác nước để sử dụng thuộc đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt			100	100			100
14	Thuế bảo vệ môi trường (đối với phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định) (Bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)	100				100		
15	Thu Quỹ đất công ích, hoa lợi công sản ... tại xã			100	100			100
16	Thu khác ngân sách (bao gồm cả thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông và các khoản tiền chậm nộp khác theo quy định): lực lượng xử phạt thuộc cấp nào thu ngân sách cấp đó hưởng 100%	100	100	100	100	100	100	100
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)							
a/	Tiền thu do Trung ương cấp Giấy phép (đối với 30% ngân sách địa phương được hưởng theo quy định)	100				100		

STT	Nội dung	Việt Trì, TX Phú Thọ				11 huyện còn lại ⁽¹⁾		
		NS cấp tỉnh	NS thành phố, thị xã	NS xã, phường		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, thị trấn
				NS phường	NS xã			
b/	Tiền thu do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép	20	30	50	50	20	30	50

Ghi chú:

- (1): 11 huyện còn lại bao gồm: Phù Ninh, Lâm Thao, Tam Nông, Thanh Thủy, Đoan Hùng, Thanh Ba, Hạ Hoà, Cẩm Khê, Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn.

- (2): Dự kiến lộ trình 57 xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 theo Kế hoạch số 1623/KH-UBND ngày 04/5/2016 của UBND tỉnh

Phú Thọ về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.